

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2019

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thành

2. Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 23/2019/TB-XX ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Triệu Thị Đ - Tên gọi khác: Triệu Kim Đ, sinh năm 1961, Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 10 (tổ 58 cũ), phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1960, Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 10 (tổ 58 cũ), phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26-6-2019 bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ cùng đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Triệu Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đức T đăng ký kết hôn năm 1988 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã tự hòa giải nhưng không thành. Bà và ông T đã ly thân từ năm 2017 đến nay,

không ai quan tâm đến ai nữa. Nay bà Đ xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Bà Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Đức T.

Về nuôi con chung: Bà Triệu Thị Đ và ông Nguyễn Đức T có 01 con chung là Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2000, cháu T đã đến tuổi trưởng thành nên bà Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Triệu Thị Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Đức T có hộ khẩu thường trú tại tổ 10 (tổ 58 cũ), phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Nguyên đơn bà Triệu Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Đức T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Triệu Thị Đ và ông Nguyễn Đức T tự nguyện đăng ký kết hôn năm 1988 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Bà Đ và ông T đã ly thân từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo phiên hoà giải nhiều lần nhưng ông Nguyễn Đức T đều cố tình lẩn tránh và vắng mặt không có lý do, thể hiện ông T không có thiện chí hòa giải. Từ đó, có căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa bà Đ và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của bà Đ, xử cho bà Triệu Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Đức T.

[3] Về nuôi con chung: Bà Triệu Thị Đ và ông Nguyễn Đức T có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2000. Hiện nay cháu T đã đến tuổi trưởng thành, bà Đ không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Triệu Thị Đ không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Triệu Thị Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Đức T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Triệu Thị Đ (Triệu Kim Đ) được ly hôn ông Nguyễn Đức T.

2. Về án phí: Bà Triệu Thị Đ (Triệu Kim Đ) phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/0004953, ngày 26-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái (xác nhận bà Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm)

Bà Triệu Thị Đ (Triệu Kim Đ) và ông Nguyễn Đức T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Yên Bái;
- VKS TP. Yên Bái;
- Chi cục THADS TP. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND xã Minh Quán, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Lâm

